

PHỤ LỤC
DANH MỤC CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

I. CƠ SỞ DỮ LIỆU TỔNG HỢP QUỐC GIA

1. Cơ quan chủ quản: Bộ Công an.

2. Mục tiêu xây dựng:

a) Là nơi tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, khai thác, chia sẻ và điều phối dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia và thực hiện việc phân tích chuyên sâu các dữ liệu, hỗ trợ công tác xây dựng các cơ chế chính sách, quy hoạch, chiến lược phát triển quốc gia;

b) Tạo điều kiện phát triển nhiều sản phẩm dịch vụ mới trên nền các dữ liệu số được khai thác góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

3. Phạm vi dữ liệu:

Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia gồm các thông tin được tổng hợp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu khác.

4. Thông tin về dữ liệu chủ sẽ lưu trữ và chia sẻ:

Dữ liệu chủ được tổng hợp từ dữ liệu chủ của các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành, địa phương và các cơ sở dữ liệu khác;

Tạo lập kho dữ liệu dùng chung cung cấp thông tin cho các bộ, ngành, địa phương khai thác theo hình thức mặc định, đẩy mạnh cung cấp thông tin cho các thủ tục hành chính, hình thành kho dữ liệu mở để chia sẻ cho người dân, doanh nghiệp phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

5. Đối tượng và mục đích khai thác, sử dụng:

Các bộ, ban, ngành, địa phương sử dụng các dữ liệu tổng hợp đã thu thập để thực hiện đơn giản hóa các thủ tục hành chính, cải thiện sự phục vụ của cơ quan nhà nước cho người dân, doanh nghiệp. Đồng thời, tiến hành phân tích chuyên sâu nhằm hỗ trợ Chính phủ nâng cao vai trò quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước; đưa ra các chính sách góp phần thúc đẩy sự phát triển, tiến bộ cho xã hội.

Các tổ chức, cá nhân sử dụng và khai thác dữ liệu mở phục vụ phát triển nhiều sản phẩm dịch vụ mới trên nền các dữ liệu số được khai thác.

6. Nguồn thông tin sẽ xây dựng và cập nhật:

6.1. Dữ liệu được thu thập, cập nhật, đồng bộ vào Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, bao gồm:

a) Dữ liệu mở;

b) Dữ liệu dùng chung của cơ quan nhà nước;

c) Dữ liệu dùng riêng của cơ quan nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ để phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại, cơ yếu, phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng;

d) Dữ liệu của cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khi được chủ sở hữu dữ liệu đồng ý;

đ) Dữ liệu khác do tổ chức, cá nhân cung cấp;

e) Dữ liệu từ các cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước;

f) Các dữ liệu khác từ các bộ, ngành có liên quan.

6.2. Nguồn thu thập, cập nhật, đồng bộ dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, bao gồm:

a) Từ quá trình thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công;

b) Được cập nhật, chia sẻ, đồng bộ từ các cơ sở dữ liệu khác;

c) Được số hóa, cung cấp, tích hợp bởi cá nhân, tổ chức.

7. Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia:

a) Việc chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước được thực hiện thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia và các nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu khác;

b) Việc chia sẻ dữ liệu giữa tổ chức, cá nhân với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia thực hiện qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu, cổng dữ liệu, qua tập tin và các phương thức khác tùy theo thỏa thuận chia sẻ giữa các bên;

c) Việc chia sẻ dữ liệu phải được thống nhất bằng văn bản giữa Trung tâm Dữ liệu quốc gia (hoặc Bộ Công an đối với CSDL tổng hợp quốc gia) và cơ quan chủ quản dữ liệu;

d) Bảo đảm hiệu quả, an toàn, đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật;

e) Xác định rõ mục đích, phạm vi dữ liệu, thời gian, tần suất chia sẻ và các điều kiện liên quan;

f) Thực hiện kết nối, đồng bộ dữ liệu tự động, trừ trường hợp dữ liệu mật hoặc dữ liệu có điều kiện truy cập theo quy định của pháp luật;

g) Trung tâm Dữ liệu quốc gia thực hiện giám sát hoạt động kết nối, chia sẻ thông qua hệ thống giám sát chuyên trách để đánh giá việc cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu;

h) Bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trong suốt quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu.

II. CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ

1. Cơ quan chủ quản: Bộ Công an.

2. Mục tiêu xây dựng: Là cơ sở dữ liệu dùng chung, tập hợp thông tin của công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch được số hóa, chuẩn hóa, lưu trữ, quản lý bằng cơ sở hạ tầng thông tin để phục vụ quản lý nhà nước và giao dịch của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Phạm vi dữ liệu: Quy định tại khoản 6 Điều 3 Luật Căn cước năm 2023.
4. Thông tin về dữ liệu chủ sẽ lưu trữ và chia sẻ: Quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Căn cước năm 2023.
5. Đối tượng và mục đích khai thác, sử dụng: Quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Căn cước năm 2023.
6. Nguồn thông tin sẽ xây dựng và cập nhật: Quy định tại Điều 5, Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
7. Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia:

Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia thực hiện thông qua nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu; hoặc nền tảng định danh và xác thực điện tử; hoặc các nền tảng khác theo quy định của pháp luật có liên quan phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

III. CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ XUẤT NHẬP CẢNH

1. Cơ quan chủ quản: Bộ Công an.
2. Mục tiêu xây dựng:
 - a) Quản lý tập trung, thống nhất thông tin xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và thông tin nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; thông tin cấp giấy tờ xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam; thông tin cấp thị thực, thẻ tạm trú, thẻ thường trú của người nước ngoài;
 - b) Cung cấp thông tin phục vụ bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và xây dựng chính sách, quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế, xã hội;
 - c) Phục vụ cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, thực hiện các dịch vụ công trực tuyến, giao dịch dân sự;
 - d) Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực xuất nhập cảnh.
3. Phạm vi dữ liệu:
 - a) Thông tin liên quan việc quản lý hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài trong lãnh thổ Việt Nam;
 - b) Thông tin cấp giấy tờ xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam; thông tin cấp thị thực, thẻ tạm trú, thẻ thường trú của người nước ngoài;
 - c) Dữ liệu sinh trắc học của công dân Việt Nam và người nước ngoài tham gia các hoạt động xuất nhập cảnh;
 - d) Dữ liệu đối tượng bị cấm, hạn chế, và cần chú ý xuất nhập cảnh;
 - đ) Dữ liệu từ các tổ chức, cá nhân trong nước có liên quan; từ các cơ quan quản lý xuất nhập cảnh của các nước trên thế giới; dữ liệu giấy tờ mất, hết giá trị, dữ liệu đối tượng truy nã từ Interpol;
 - e) Dữ liệu căn cước công dân, dữ liệu dân cư và các dữ liệu có liên quan khác.
4. Thông tin về dữ liệu chủ sẽ lưu trữ và chia sẻ:
 - a) Thông tin liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam;

- b) Thông tin nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài;
- c) Thông tin cấp giấy tờ xuất nhập cảnh cho công dân Việt Nam và cho người nước ngoài.

5. Đối tượng và mục đích khai thác, sử dụng:

- a) Các đơn vị thuộc Bộ Công an phục vụ công tác nghiệp vụ;
- b) Cơ quan tiến hành tố tụng; cơ quan thi hành án hoặc các cơ quan quản lý nhà nước được đề nghị cung cấp thông tin về xuất nhập cảnh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử, thực hiện các quyết định thi hành án, áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ được phân công;
- c) Công dân Việt Nam được đề nghị cung cấp hoặc xác nhận thông tin liên quan đến xuất nhập cảnh được khai thác thông tin liên quan đến việc thu hồi, huỷ, khôi phục, kiểm soát hộ chiếu, giấy tờ xuất nhập cảnh và lịch sử xuất nhập cảnh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh để chủ động thực hiện công tác quản lý theo chức năng, nhiệm vụ.

6. Nguồn thông tin sẽ xây dựng và cập nhật:

- a) Dữ liệu xuất nhập cảnh thu thập từ các cơ quan quản lý xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng;
- b) Dữ liệu cấp giấy tờ xuất nhập cảnh từ các cơ quan quản lý xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an, từ Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài;
- c) Dữ liệu từ các đơn vị liên quan trong Bộ Công an;
- d) Dữ liệu từ các cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước;
- đ) Các dữ liệu khác từ các bộ, ngành có liên quan.

7. Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia:

Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia thực hiện thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu, trên nguyên tắc kết nối, đồng bộ dữ liệu tự động, trừ dữ liệu mật hoặc dữ liệu có điều kiện truy cập theo quy định của pháp luật.

IV. CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ TÀI CHÍNH

1. Cơ quan chủ quản: Bộ Tài chính.

2. Mục tiêu xây dựng:

- a) Nhằm bảo đảm tính liên kết, tích hợp, khả năng kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các đơn vị trong ngành Tài chính, giữa Bộ Tài chính với các cơ quan, tổ chức, cá nhân ngoài ngành Tài chính; hỗ trợ xây dựng Chính phủ điện tử ngành Tài chính, hướng tới xây dựng Tài chính số (Digital Finance) dựa trên dữ liệu lớn và dữ liệu mở; tạo nền tảng cho ngành Tài chính tiếp cận, nắm vai trò chủ động, kiến tạo và thực hiện việc chuyển đổi sang nền Tài chính số hiện đại tại Việt Nam;

b) Là nơi tổng hợp, tích hợp các dữ liệu tài chính quốc gia từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Tài chính, các thông tin, dữ liệu chia sẻ từ các bộ, ngành để phát huy tối đa giá trị của dữ liệu phục vụ cho mục đích quản lý về tài chính.

3. Phạm vi dữ liệu:

Lưu trữ dữ liệu được tích hợp từ 07 nhóm nguồn dữ liệu chính ở mức độ chi tiết phù hợp, bao gồm: (i) Các Kho dữ liệu của Bộ Tài chính (Thuế; Hải quan; Thu chi ngân sách nhà nước; Kho bạc; Dự trữ nhà nước; Giá); (ii) Cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Tài chính (Chứng khoán; Nợ công; Tài sản công; Bảo hiểm; Quản lý, giám sát vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Danh mục điện tử dùng chung); (iii) Cơ sở dữ liệu từ các bộ, ngành khác; (iv) Dữ liệu mở; (v) Dữ liệu có cấu trúc bên ngoài; (vi) Dữ liệu phi cấu trúc; (vii) Dữ liệu văn bản của Bộ Tài chính.

4. Thông tin về dữ liệu chủ sẽ lưu trữ và chia sẻ:

a) Các dữ liệu chủ: Các dữ liệu tổng hợp của Kho bạc Nhà nước; các lĩnh vực thuế, hải quan, chứng khoán, giá, tài sản công;

b) Các dữ liệu chia sẻ: Các dữ liệu được Bộ Tài chính ban hành tại Quyết định số 1374/QĐ-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu, Danh mục dữ liệu mở của Bộ Tài chính, Quyết định số 2198/QĐ-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2023 sửa đổi, bổ sung Danh mục cơ sở dữ liệu, Danh mục dữ liệu mở ban hành kèm Quyết định số 1374/QĐ-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính; Quyết định số 2470/QĐ-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Bộ Tài chính ban hành Danh mục dữ liệu chia sẻ theo hình thức mặc định của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế nếu có.

5. Đối tượng và mục đích khai thác, sử dụng:

Đối tượng và mục đích sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính là các đơn vị thuộc Bộ Tài chính và cơ quan tài chính địa phương và các bộ, ngành, địa phương (nếu phát sinh nhu cầu kết nối) bao gồm:

a) Các Vụ, Cục và tương đương tại trụ sở Bộ Tài chính (Khối cơ quan Bộ);
b) Cục Thuế - Bộ Tài chính; Kho bạc Nhà nước; Cục Hải quan - Bộ Tài chính; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

c) Viện Chiến lược và Chính sách tài chính;

d) Các Sở Tài chính; các phòng Tài chính - Kế hoạch;

đ) Các bộ, ngành trung ương có nhu cầu kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu số của Bộ Tài chính theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước và quy định về sử dụng thông tin số liệu từ Bộ Tài chính.

6. Nguồn thông tin sẽ xây dựng và cập nhật:

a) Các Kho dữ liệu của Bộ Tài chính (các lĩnh vực thuế; hải quan; thu chi ngân sách nhà nước; kho bạc; dự trữ nhà nước; giá);

b) Cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Tài chính (chứng khoán; nợ công; tài sản công; bảo hiểm; quản lý, giám sát vốn nhà nước tại doanh nghiệp; danh mục điện tử dùng chung);

- c) Cơ sở dữ liệu từ các bộ, ngành khác;
- d) Dữ liệu nguồn mở;
- đ) Dữ liệu có cấu trúc bên ngoài;
- e) Dữ liệu phi cấu trúc;
- g) Dữ liệu văn bản của Bộ Tài chính.

7. Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia:

Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia thực hiện thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu, trên nguyên tắc kết nối, đồng bộ dữ liệu tự động, trừ dữ liệu mật hoặc dữ liệu có điều kiện truy cập theo quy định của pháp luật.

V. CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

1. Cơ quan chủ quản: Bộ Tài chính.

2. Mục tiêu xây dựng:

a) Cung cấp số liệu về doanh nghiệp phục vụ công tác quản lý nhà nước: xây dựng cơ chế, chính sách, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; phục vụ công tác quản lý nhà nước trong các lĩnh vực như: thuế, hải quan, bảo hiểm xã hội;

b) Cung cấp thông tin về doanh nghiệp cho xã hội góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất - kinh doanh, tạo lập môi trường kinh doanh minh bạch, hiệu quả kinh tế, thúc đẩy kinh tế chia sẻ.

3. Phạm vi dữ liệu:

Quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp và Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp. Cụ thể: Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp là tập hợp dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc. Thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và tình trạng pháp lý của doanh nghiệp lưu giữ tại cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp có giá trị pháp lý là thông tin gốc về doanh nghiệp.

4. Thông tin về dữ liệu chủ sẽ lưu trữ và chia sẻ:

- Các dữ liệu về doanh nghiệp: Tên doanh nghiệp; tên doanh nghiệp viết tắt; tình trạng hoạt động của doanh nghiệp; mã số doanh nghiệp; loại hình pháp lý; ngày thành lập doanh nghiệp; tên người đại diện pháp luật/chủ sở hữu doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính; ngành nghề kinh doanh; vốn điều lệ.

- Dữ liệu khác: Bao gồm các thông tin trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp được quy định tại Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp và Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.

5. Đối tượng và mục đích khai thác, sử dụng:

a) Cơ quan đăng ký kinh doanh: Thực hiện nghiệp vụ chuyên môn về đăng ký doanh nghiệp;

b) Cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương: thực hiện chức năng, nghiệp vụ quản lý nhà nước liên quan đến doanh nghiệp;

c) Cục Thuế - Bộ Tài chính: Liên thông nghiệp vụ theo thời gian thực giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Hệ thống thông tin đăng ký thuế phục vụ việc cấp mã số doanh nghiệp;

d) Công Dịch vụ công Quốc gia: Đồng bộ trạng thái hồ sơ đăng ký doanh nghiệp;

đ) Cá nhân, doanh nghiệp: Thực hiện đăng ký doanh nghiệp, tra cứu, xác minh thông tin doanh nghiệp.

6. Nguồn thông tin sẽ xây dựng và cập nhật:

a) Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp do cá nhân, tổ chức nộp trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc nộp qua mạng điện tử và được Phòng Đăng ký kinh doanh ghi nhận hoặc chấp thuận vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Nguồn thông tin nhận từ các cơ quan nhà nước khác: Bộ Công an, Cục Thuế - Bộ Tài chính, Bảo hiểm xã hội Việt Nam - Bộ Tài chính.

7. Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia:

Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia thực hiện thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu, trên nguyên tắc kết nối, đồng bộ dữ liệu tự động, trừ dữ liệu mật hoặc dữ liệu có điều kiện truy cập theo quy định của pháp luật.

VI. CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ BẢO HIỂM

1. Cơ quan chủ quản: Bộ Tài chính.

2. Mục tiêu xây dựng: Lưu trữ thông tin về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và thông tin về y tế, an sinh xã hội được cơ quan có thẩm quyền ghi nhận và bảo đảm quyền lợi, nghĩa vụ về bảo hiểm của công dân và chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương trên quy mô quốc gia.

3. Phạm vi dữ liệu:

Quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 43/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

4. Thông tin về dữ liệu chủ sẽ lưu trữ và chia sẻ:

Quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 6 Nghị định số 43/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

5. Đối tượng và mục đích khai thác, sử dụng:

Quy định tại Điều 10 Nghị định số 43/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

6. Nguồn thông tin sẽ xây dựng và cập nhật:

Quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 43/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

7. Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia:

Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia thực hiện thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu, trên nguyên tắc kết nối, đồng bộ dữ liệu tự động, trừ dữ liệu mật hoặc dữ liệu có điều kiện truy cập theo quy định của pháp luật.

VII. CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ ĐẤT ĐAI

1. Cơ quan chủ quản: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Mục tiêu xây dựng:

a) Phục vụ công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công về đất đai và chia sẻ thông tin đất đai với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

b) Tạo nền tảng dữ liệu phục vụ triển khai, vận hành Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số.

3. Phạm vi dữ liệu: Tập hợp các dữ liệu về đất đai có giá trị pháp lý, có tính chất tổng hợp cấp quốc gia.

4. Thông tin về dữ liệu chủ sẽ lưu trữ và chia sẻ:

a) Thông tin về người sử dụng đất (cá nhân, hộ gia đình, tổ chức), chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất;

b) Thông tin về thửa đất;

c) Thông tin khoanh đất hiện trạng;

d) Thông tin vùng quy hoạch sử dụng đất;

đ) Siêu dữ liệu (dữ liệu đặc tả) đất đai;

e) Danh mục dữ liệu đất đai dùng chung.

5. Đối tượng và mục đích khai thác, sử dụng:

a) Các cơ quan nhà nước trong công tác quản lý nhà nước, chuyên môn, nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ công về đất đai; quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, quy hoạch phát triển đô thị và xây dựng thành phố thông minh; xây dựng, vận hành Chính phủ điện tử;

b) Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình được cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu theo quy định của pháp luật.

6. Nguồn thông tin sẽ xây dựng và cập nhật:

Nguồn thông tin để xây dựng và cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai:

a) Dữ liệu địa chính: Từ cơ sở dữ liệu của địa phương, hồ sơ địa chính ở địa phương;

b) Dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai: Từ kết quả thống kê, kiểm kê đất đai được phê duyệt;

c) Dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Từ kết quả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt;

d) Dữ liệu giá đất: Từ kết quả xây dựng bảng giá đất, giá đất được giao dịch;
 đ) Dữ liệu điều tra, quan trắc cơ bản về đất đai: Từ kết quả điều tra, quan trắc, đánh giá về chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất và điều tra đánh giá tiềm năng đất đai;

e) Các nguồn dữ liệu khác gồm:

- Dữ liệu Giấy chứng nhận sai, hỏng, huỷ, thu hồi, mất;
- Dữ liệu về Giấy chứng nhận cấp cho người nước ngoài do địa phương báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Dữ liệu về tổ chức vi phạm pháp luật về đất đai được xác định do cơ quan có thẩm quyền công bố.

7. Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia:

Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia thực hiện thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu, trên nguyên tắc kết nối, đồng bộ dữ liệu tự động, trừ dữ liệu mật hoặc dữ liệu có điều kiện truy cập theo quy định của pháp luật.

VIII. CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

1. Cơ quan chủ quản: Bộ Nội vụ.

2. Mục tiêu xây dựng:

a) Thực hiện việc xây dựng, quản lý, cập nhật dữ liệu thường xuyên, tổ chức khai thác, sử dụng và lưu trữ cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức đồng bộ, thống nhất trên phạm vi toàn quốc, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước theo hướng hiện đại, là một trong những cấu phần quan trọng trong tiến trình xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới nền kinh tế số, xã hội số;

b) Bảo đảm kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu với cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của các bộ, ngành, địa phương; cơ sở dữ liệu quốc gia ở các lĩnh vực khác, góp phần vào quá trình xây dựng, phát triển Chính phủ số; thực hiện minh bạch hóa công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức, góp phần xây dựng một nền hành chính phục vụ, hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả.

3. Phạm vi dữ liệu:

Thông tin về cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Hệ thống cơ quan nhà nước các cấp từ trung ương đến địa phương, bao gồm:

a) Các bộ (trừ Bộ Công an, Bộ Quốc phòng), cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập;

b) Tòa án nhân dân các cấp, Viện kiểm sát nhân dân các cấp;

c) Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội;

d) Kiểm toán Nhà nước;

đ) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp; cơ quan của Hội đồng nhân dân; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

e) Các đơn vị sự nghiệp công lập ở trung ương và địa phương.

4. Thông tin về dữ liệu chủ sẽ lưu trữ và chia sẻ:

Quy định tại Phụ lục Thông tư số 06/2023/TT-BNV ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu, thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước.

5. Đối tượng và mục đích khai thác, sử dụng:

Quy định tại Điều 8 Thông tư số 06/2023/TT-BNV ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu, thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước.

6. Nguồn thông tin sẽ xây dựng và cập nhật:

Quy định tại Điều 6 Thông tư số 06/2023/TT-BNV ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu, thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước.

7. Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia:

Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia thực hiện thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu, trên nguyên tắc kết nối, đồng bộ dữ liệu tự động, trừ dữ liệu mật hoặc dữ liệu có điều kiện truy cập theo quy định của pháp luật.

IX. CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Cơ quan chủ quản: Văn phòng Chính phủ.

2. Mục tiêu xây dựng:

a) Đáp ứng các yêu cầu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã giao tại các Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, 92/2017/NĐ-CP, 61/2018/NĐ-CP, 45/2020/NĐ-CP, 107/2021/NĐ-CP, 42/2022/NĐ-CP và Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg;

b) Hình thành bộ dữ liệu chủ của quốc gia về thủ tục hành chính, bao gồm dữ liệu về thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước các cấp, các danh mục dùng chung, kết quả giải quyết thủ tục hành chính... để chia sẻ cho các bộ, ngành, địa phương nhằm bảo đảm tính thống nhất trong thực hiện thủ tục hành chính, công bố, công khai, rà soát, đánh giá thủ tục hành chính.

3. Phạm vi dữ liệu:

a) Dữ liệu chủ: Dữ liệu thủ tục hành chính; dịch vụ công trực tuyến; danh mục các cơ quan, đơn vị hành chính, ngành, lĩnh vực; kết quả giải quyết thủ tục hành chính; các khoản thu, nộp vào ngân sách nhà nước khi thực hiện thủ tục hành chính, ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;

b) Dữ liệu khác: Dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật quy định về thủ tục hành chính; quyết định công bố thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Các trường tin chính của dữ liệu chủ, bao gồm: (1) Mã số thủ tục hành chính; (2) Tên thủ tục hành chính; (3) Trình tự thực hiện; (4) Cách thức thực hiện; (5) Hồ sơ; (6) Thời hạn giải quyết; (7) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính;

(8) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính; (9) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính; (10) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; (11) Mẫu kết quả thực hiện thủ tục hành chính; (12) Yêu cầu, điều kiện; (13) Phí, lệ phí.

4. Thông tin về dữ liệu chủ sẽ lưu trữ và chia sẻ:

Các trường tin chính của dữ liệu chủ bao gồm: (1) Mã số thủ tục hành chính; (2) Tên thủ tục hành chính; (3) Trình tự thực hiện; (4) Cách thức thực hiện; (5) Hồ sơ; (6) Thời hạn giải quyết; (7) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính; (8) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính; (9) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính; (10) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; (11) Mẫu kết quả thực hiện thủ tục hành chính; (12) Yêu cầu, điều kiện; (13) Phí, lệ phí.

5. Đối tượng và mục đích khai thác, sử dụng:

a) Cán bộ, công chức cơ quan hành chính nhà nước các cấp khai thác, sử dụng để: cập nhật, công khai thủ tục hành chính thuộc phạm vi ban hành, giải quyết của bộ, cơ quan, địa phương; khai thác dữ liệu thủ tục hành chính, tích hợp danh mục dữ liệu chủ dùng chung phục vụ giải quyết thủ tục hành chính tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của bộ, cơ quan, địa phương; số hóa lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính; rà soát, đánh giá, đề xuất các biện pháp cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm quy định kinh doanh;

b) Người dân, doanh nghiệp, hiệp hội: Tra cứu, khai thác, sử dụng khi có nhu cầu tìm hiểu, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

c) Ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán: khai thác thông tin về các khoản thu, nộp phí, lệ phí thông qua Nền tảng thanh toán của Công Dịch vụ công quốc gia.

6. Nguồn thông tin sẽ xây dựng và cập nhật:

Dữ liệu chủ thủ tục hành chính được cập nhật, đăng tải trên cơ sở dữ liệu quốc gia là các thủ tục hành chính được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương công bố (quy định tại Điều 23 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP); các dữ liệu khác được cập nhật theo văn bản quy phạm pháp luật của cấp có thẩm quyền theo quy trình được quy định tại Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

7. Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia:

Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia thực hiện thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu, trên nguyên tắc kết nối, đồng bộ dữ liệu tự động, trừ dữ liệu mật hoặc dữ liệu có điều kiện truy cập theo quy định của pháp luật.

X. CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

1. Cơ quan chủ quản: Bộ Xây dựng.

2. Mục tiêu xây dựng:

Quản lý nhà nước về dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; đồng bộ dữ liệu theo chuẩn chung thống nhất; bảo đảm dữ liệu có thể kết nối, chia sẻ; cải cách thủ tục hành chính.

3. Phạm vi dữ liệu:

Thông tin về hoạt động xây dựng (thông tin về quy hoạch xây dựng; thông tin về dự án đầu tư xây dựng/công trình xây dựng; thông tin về định mức xây dựng, giá xây dựng công trình và chỉ số giá xây dựng) phục vụ công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

4. Thông tin về dữ liệu chủ sẽ lưu trữ và chia sẻ:

Thông tin về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị; thông tin về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng; thông tin về định mức xây dựng, giá xây dựng công trình và chỉ số giá xây dựng theo quy định của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

5. Đối tượng và mục đích khai thác, sử dụng:

- a) Cơ quan nhà nước;
- b) Cá nhân, doanh nghiệp hoặc các cơ quan tổ chức có nhu cầu;
- c) Các đối tượng có mục đích sử dụng khác theo quy định của pháp luật.

6. Nguồn thông tin sẽ xây dựng và cập nhật:

a) Từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện công tác thẩm định quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, cấp giấy phép xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu;

b) Từ các chủ đầu tư dự án, công trình xây dựng, người đề nghị thẩm định (trong trường hợp chưa có chủ đầu tư);

c) Dữ liệu được chia sẻ, liên kết từ các cơ sở dữ liệu quốc gia khác có liên quan;

d) Đồng bộ từ nguồn cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan có thẩm quyền khác có liên quan.

7. Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia:

Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia thực hiện thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu, trên nguyên tắc kết nối, đồng bộ dữ liệu tự động, trừ dữ liệu mật hoặc dữ liệu có điều kiện truy cập theo quy định của pháp luật.

XI. CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Cơ quan chủ quản: Bộ Tư pháp.

2. Mục tiêu xây dựng:

Phục vụ công tác quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính và đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật.

3. Phạm vi dữ liệu:

Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính là một tập hợp các dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính. Các dữ liệu này được số hóa từ tài liệu về xử lý vi phạm hành chính, bao gồm các văn bản, giấy tờ, bản ảnh, hình ảnh, phiếu in, chỉ số đo, dữ liệu lưu trong bộ nhớ của các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ chứa đựng thông tin về vụ việc xử phạt vi phạm hành chính hoặc áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

4. Thông tin về dữ liệu chủ sẽ lưu trữ và chia sẻ:

Thông tin về Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Thông tin về việc thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có); Thông tin về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính; Thông tin về việc áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình; .

5. Đối tượng và mục đích khai thác, sử dụng:

- a) Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;
- b) Cơ quan thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;
- c) Cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;
- d) Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;
- đ) Cơ quan thi hành quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính;
- e) Cơ quan quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính;
- g) Các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức khác có liên quan đến việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu;
- h) Các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức khác có liên quan trực tiếp đến công tác xử lý vi phạm hành chính;
- i) Các cơ quan quyền lực nhà nước thực hiện chức năng giám sát công tác xử lý vi phạm hành chính có quyền yêu cầu và được cung cấp thông tin để phục vụ hoạt động giám sát.

6. Nguồn thông tin sẽ xây dựng và cập nhật:

Các cơ quan có trách nhiệm cung cấp và cập nhật thông tin bao gồm: (1) Cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; (2) Cơ quan thi hành quyết định xử phạt; (3) Cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt; (4) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức cập nhật thông tin và chịu trách nhiệm về độ chính xác, toàn vẹn của dữ liệu; (5) Các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức khác có liên quan cũng có trách nhiệm cung cấp, tiếp nhận và cập nhật thông tin; (6) Cơ quan quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính; (7) Cơ quan thi hành các quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Ngoài ra, Tòa án nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân các cấp cũng có trách nhiệm cung cấp thông tin về công tác xử lý vi phạm hành chính.

7. Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia:

Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia thực hiện thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu, trên nguyên tắc kết nối, đồng bộ dữ liệu tự động, trừ dữ liệu mật hoặc dữ liệu có điều kiện truy cập theo quy định của pháp luật.

XII. CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ Y TẾ

1. Cơ quan chủ quản: Bộ Y tế

2. Mục tiêu xây dựng:

a) Phục vụ công tác quản lý nhà nước của ngành y tế, chia sẻ với các bộ, ngành, địa phương khác có liên quan để phục vụ hoạch định chính sách, xây dựng quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp, phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng, ứng dụng dữ liệu của tổ chức, cá nhân và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

b). Phục vụ công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân; phục vụ người dân trong quản lý sức khỏe bản thân.

3. Phạm vi dữ liệu:

3.1. Thông tin về các cơ quan, tổ chức hoạt động theo quy định của pháp luật trong các lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh; y, dược cổ truyền; phục hồi chức năng; giám định y khoa; giám định pháp y; giám định pháp y tâm thần; y tế dự phòng và an toàn sinh học trong xét nghiệm y học; dân số; sức khỏe bà mẹ - trẻ em, sức khỏe sinh sản; bảo hiểm y tế; thiết bị y tế; thuốc; nguyên liệu làm thuốc; thực phẩm chức năng; thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng; bảo vệ môi trường trong hoạt động y tế; khoa học công nghệ trong lĩnh vực y tế; giáo dục, đào tạo các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe; sản xuất, kinh doanh dược; sản xuất, kinh doanh mỹ phẩm; sản xuất, kinh doanh thiết bị y tế; sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng; sản xuất, kinh doanh hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế, bao gồm:

- a) Thông tin danh tính điện tử của cơ quan, tổ chức;
- b) Hình thức tổ chức;
- c) Thông tin về phạm vi hoạt động, phạm vi cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực y tế.

3.2. Thông tin về nhân lực y tế

- a) Thông tin cơ bản của cá nhân;
- b) Thông tin về quá trình đào tạo, bồi dưỡng;
- c) Thông tin về chứng chỉ hành nghề.

3.3. Thông tin cơ bản về dược, thiết bị y tế

- a) Thông tin định danh;
- b) Thông tin lưu hành;
- c) Thông tin giấy phép xuất khẩu;
- d) Thông tin giấy phép nhập khẩu.

3.4. Thông tin sức khỏe của cá nhân

- a) Mã định danh y tế của cá nhân;
- b) Thông tin cơ bản của cá nhân;
- c) Thông tin về chứng sinh, khai sinh;
- d) Thông tin về bảo hiểm y tế;

đ) Các thông tin về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe của cá nhân;

- e) Thông tin báo tử, khai tử.

4. Thông tin về dữ liệu chủ sẽ lưu trữ và chia sẻ:

4.1. Thông tin về phạm vi hoạt động, phạm vi cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực y tế

4.2. Thông tin về chứng chỉ hành nghề

4.3. Thông tin định danh và thông tin lưu hành

4.4. Thông tin về chứng sinh; thông tin về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe của cá nhân; thông tin báo tử

5. Đối tượng và mục đích khai thác, sử dụng:

5.1. Đối tượng khai thác, sử dụng

a) Cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được khai thác và sử dụng dữ liệu y tế phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức đó;

b) Chủ thể dữ liệu được khai thác và sử dụng dữ liệu y tế phản ánh về chủ thể dữ liệu đó;

c) Tổ chức và cá nhân không thuộc quy định tại điểm 5.1 và điểm 5.2 khoản này được khai thác và sử dụng dữ liệu y tế như sau: tự do khai thác và sử dụng dữ liệu mở về y tế; khai thác và sử dụng dữ liệu cá nhân khi được sự đồng ý của đơn vị quản lý, duy trì dữ liệu và cá nhân là chủ thể dữ liệu được khai thác; khai thác và sử dụng dữ liệu khác khi được sự đồng ý của đơn vị quản lý, duy trì dữ liệu.

5.2. Mục đích khai thác, sử dụng

a) Thực hiện theo quy định tại các Điều 16, 17, 21 Luật Dữ liệu và các quy định của Nghị định số 102/2025/NĐ-CP

b) Dữ liệu chủ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế có giá trị sử dụng chính thức, tương đương văn bản giấy được cơ quan có thẩm quyền cung cấp.

c) Dữ liệu chủ trong cơ sở dữ liệu về y tế của bộ, ngành, địa phương có giá trị sử dụng chính thức, tương đương văn bản giấy do bộ, ngành, địa phương cung cấp.

d) Sử dụng dữ liệu y tế để triển khai Sổ sức khỏe điện tử

- Dữ liệu y tế về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe và các thông tin liên quan được sử dụng để triển khai Sổ sức khỏe điện tử;

- Các cơ sở y tế hoạt động hợp pháp tại Việt Nam có trách nhiệm kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu y tế liên quan với Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng định danh quốc gia;

- Cơ sở y tế hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật, công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài đã được cấp tài khoản định danh điện tử được sử dụng Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng định danh quốc gia để thay thế giấy tờ liên quan trong quá trình phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe theo quy định.

6. Nguồn thông tin sẽ xây dựng và cập nhật:

a) Dữ liệu từ Bộ Y tế và các cơ quan quản lý nhà nước về y tế;

b) Dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu về y tế do Bộ Y tế quản lý;

c) Dữ liệu được chia sẻ, đồng bộ từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu do bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội quản lý có liên quan đến phạm vi dữ liệu được quy định tại phạm vi dữ liệu trong CSDL quốc gia về y tế;

d) Dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu do các cơ sở y tế quản lý;

đ) Dữ liệu là kết quả của quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, dịch vụ công ngành y tế;

e) Dữ liệu được số hóa, cung cấp, tích hợp bởi cá nhân, tổ chức.

f) Các cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu có liên quan đến phạm vi dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh các thông tin tại phạm vi dữ liệu trong CSDL quốc gia về y tế, bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, thống nhất, chất lượng của dữ liệu được cập nhật, chia sẻ.

7. Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia:

Phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia thực hiện thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu, trên nguyên tắc kết nối, đồng bộ dữ liệu tự động, trừ dữ liệu mật hoặc dữ liệu có điều kiện truy cập theo quy định của pháp luật.

